

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 11- 5 -2026.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chinh

2. Ông Dư Công Thử

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Minh Tiên - là thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Duy Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2026/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXXST-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Minh P, sinh năm 1987; Địa chỉ: Xóm A, thôn T, xã K, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Mai T, sinh năm 1984; HKTT: xóm A, thôn T, xã K, tỉnh L; Địa chỉ hiện tại: Số nhà B, tổ B, thôn L, xã D, tỉnh L.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Minh P trình bày:

Chị và anh Mai T yêu thương và tự nguyện tìm hiểu trong khoảng thời gian 04 năm, sau đó tiến đến hôn nhân. Vợ chồng kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh L (nay là xã D) vào ngày 24/11/2008.

Sau khi kết hôn khoảng 1 – 2 năm là phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi cá độ đá bóng, số đề gây nợ nần nhiều, ngoài ra anh T còn bỏ bịch lẳng nhăng, chị đã tha thứ nhiều nhưng anh T không sửa đổi mà sự việc cứ tiếp diễn. Khoảng mấy năm gần đây anh T còn thường xuyên uống rượu. Khi say xỉn thì chửi bới, xúc phạm chị và có lúc còn đánh đập chị. Chị đã chịu đựng

hiều và cũng cho anh T nhiều cơ hội sửa đổi nhưng anh T không sửa đổi mà vẫn chứng nào tật đó và ngày càng tệ hơn.

Lần gần nhất là anh T tự làm điều có lỗi với người khác và có lỗi với chị nên đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ ở xã D từ ngày 21/01/2026 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Mai T.

- Về con chung:

Chị Phan Thị Minh P xác nhận vợ chồng có 02 con chung, tên Mai N, sinh ngày 29/7/2009 và Mai K, sinh ngày: 31/10/2018. Hiện cháu Mai N đang học THPT ở thành phố H, cháu Mai K đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Mai T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Mai T đến Tòa án để làm việc, lấy lời khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Mai T vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phan Thị Minh P và anh Mai T được ly hôn; về con chung: Giao 02 con chung là Mai N và Mai K cho chị Phan Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Mai T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: Chị Phan Thị Minh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị Phan Thị Minh P và anh Mai T. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung năm 2025); Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân và Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Bị đơn anh Mai T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn chị Phan Thị Minh P có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P, anh Mai T theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho chị P, anh Mai T theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị Minh P và anh Mai T đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 03/07 ngày 24/11/2008, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Theo chị P việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Anh T không phản hồi hoặc cung cấp tài liệu nào xác định là việc kết hôn không tự nguyện. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Minh P và anh Mai T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị Phan Thị Minh P thì sau khi vợ chồng kết hôn khoảng một hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Mai T ham chơi cá độ, đá bóng, số đề gây nợ nần. Đồng thời còn thường xuyên uống rượu, khi say xỉn thì chửi bới, xúc phạm và đánh đập vợ. Chị đã khuyên nhủ anh sửa đổi và cho anh rất nhiều cơ hội để sửa đổi bản thân nhưng anh vẫn không thay đổi. Lần gần nhất là vào tháng 01 năm 2026 anh đã làm chuyện có lỗi với người khác và có lỗi với chị nên đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở D sinh sống.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của người thân trong gia đình của chị P và anh Mai T. Người thân của chị P và anh T xác nhận vợ chồng chị P trong cuộc sống hôn nhân thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, anh T thường xuyên say xỉn và gây gỗ, chửi chị P, có lần còn đánh chị P. Vợ chồng chị P đã sống ly thân từ tháng một năm 2026 đến nay.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phan Thị Minh P và anh Mai T là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn. Phía anh Mai T, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần để làm việc, trình bày lời khai, hòa giải nhưng anh không đến, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị P thể hiện sự bỏ mặc hôn nhân, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, cho chị P và anh Mai T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phan Thị Minh P xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Mai N, sinh ngày 29/7/2009 và Mai K, sinh ngày: 31/10/2018. Hiện cháu Mai N đã lớn, đang học lớp 11 tại TP H, cháu Mai K đang học lớp 2 và đang do chị Phan Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Minh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Mai T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Mai N đã lớn, có thể đi học xa gia đình, cháu Mai K đang được chị Phan Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng. Theo trình bày, chị P hiện có nhà ở, có công việc và thu nhập ổn định. Anh Mai T không có văn bản cũng như không đến Tòa án trình bày về vấn đề nuôi con, giải quyết con chung cũng như không có yêu cầu nuôi con. Về phần chị P không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Mai N và Mai K cho chị Phan Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nên không buộc anh Mai T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Phan Thị Minh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật. Anh Mai T không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 220, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân và Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị Minh P đối với bị đơn anh Mai T.

Cho chị Phan Thị Minh P và anh Mai T được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 03/07, ngày 24/11/2008 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh L; nay là xã D, tỉnh L chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Mai N, sinh ngày 29/7/2009 và cháu Mai K, sinh ngày: 31/10/2018 cho chị Phan Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Mai T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Phan Thị Minh P phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị Phan Thị Minh P đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0002282 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị Phan Thị Minh P đã nộp đủ án phí. Anh Mai T không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2- Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã D, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Thị Phúc